

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ IV NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 10/BC-UBND ngày 15/01/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ IV	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
<b><u>A</u></b>	<b><u>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</u></b>	<b><u>7.883.230</u></b>	<b><u>10.399.357</u></b>	<b><u>132%</u></b>	<b><u>104%</u></b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>2.150.000</b>	<b>2.207.445</b>	<b>103%</b>	<b>98%</b>
1	Thu nội địa	2.110.500	2.149.856	102%	97%
2	Thu dầu thô	-	-		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	39.500	41.716	106%	112%
4	Thu viện trợ	-	-		
5	Thu ủng hộ, đóng góp	-	15.873		1403%
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b><u>B</u></b>	<b><u>TỔNG CHI NSDP</u></b>	<b><u>7.883.230</u></b>	<b><u>7.911.866</u></b>	<b><u>100%</u></b>	<b><u>102%</u></b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>6.318.476</b>	<b>5.839.284</b>	<b>92%</b>	<b>101%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	754.820	591.072	78%	93%
2	Chi thường xuyên	5.249.589	5.246.995	100%	102%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	200	217	109%	111%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100%	100%
5	Dự phòng ngân sách	129.645	-		
6	Chênh lệch tăng thu giữa dự toán TW giao với dự toán địa phương giao chưa bố trí nhiệm vụ chi	84.800	-		
7	Chi từ nguồn tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán Trung ương giao để thực hiện CCTL	84.800	-		
8	Kinh phí tinh giản biên chế thực hiện CCTL	13.622	-		
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>1.477.054</b>	<b>1.901.348</b>	<b>129%</b>	<b>103%</b>
<b>III</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>	<b>-</b>	<b>73.556</b>		<b>102%</b>
<b>IV</b>	<b>Chi trả nợ gốc</b>	<b>87.700</b>	<b>97.678</b>	<b>111%</b>	<b>142%</b>
<b><u>C</u></b>	<b><u>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>0</u></b>		